

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
quốc phòng, an ninh năm 2018
(Số liệu chính thức)**

Năm 2018 là năm thứ 3 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX, là năm thực hiện chủ đề của Chính phủ “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả*” và của tỉnh “*Tinh gọn tổ chức bộ máy, biên chế; nâng cao kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; huy động nguồn lực xã hội; đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp*”. Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra từ đầu năm, với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cố gắng phấn đấu của các ngành, các cấp, toàn quân, toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế - xã hội năm 2018 của tỉnh đạt được nhiều kết quả vượt bậc.

A. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 50/2017/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2017 CỦA HĐND TỈNH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu Nghị quyết	Ước TH năm 2018 (Theo BC 248/BC-UBND ngày 07/11/2018)	Thực hiện năm 2018 (số rà soát đến 31/12/2018)
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng (Giá SS 2010)	%	9-9,5	9,6	10,4
	* <i>Tốc độ tăng GRDP không tính sản phẩm lọc hóa dầu</i>	%	8,5-9	8,5	8,5
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/ người	57,7	57,8	58,0
		USD/ người	2.509	2.514	2.520
3	Cơ cấu kinh tế				
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	53-54	52,01	52,68
	+ Dịch vụ	%	28-29	30,17	29,53
	+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	18-19	17,82	17,78

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu Nghị quyết	Ước TH năm 2018 (Theo BC 248/BC-UBND ngày 07/11/2018)	Thực hiện năm 2018 (số rà soát đến 31/12/2018)
4	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	tỷ đồng	27.000-29.000	29.594	42.978
5	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	tỷ đồng	14.913,5	19.825,67	20.191,81
6	Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD	450	540	591
7	Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh	%	20,37	20,38	20,55
8	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	18	20	18
9	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	42	42	42
	Tỷ lệ qua đào tạo nghề	%	51	51	51
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia:				
	+ Mầm non:	%	30,23	38,32	38,32
	+ Tiểu học:	%	70,37	71,16	71,16
	+ Trung học cơ sở:	%	69,46	70,66	70,66
	+ Trung học phổ thông:	%	55,23	55,26	55,26
11	Số giường bệnh/l vạn dân (không tính trạm y tế xã):	giường	27,3	27,3	27,3
	Số bác sỹ/vạn dân	bác sỹ	6,5	6,5	7,18
	Tuổi thọ trung bình	tuổi	74	74	74
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	8,5	8,5	8,5
	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	88,23	89	90
12	Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội	%	30	15	15
13	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa				
	+ Gia đình văn hóa	%	85	85	88
	+ Thôn, khối phố văn hóa	%	85	85	88,6
	+ Cơ quan, đơn vị văn hóa	%	91	91	91
14	Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm	%	1,59	1,59	1,77
	<i>Trong đó: Miền núi giảm</i>	%	5,47	5,47	5,53
15	Tỷ lệ dân cư đô thị dùng nước sạch	%	88	88	88
	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91	91	91
	Tỷ lệ xử lý chất thải nguy hại	%	50	50	50

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu Nghị quyết	Ước TH năm 2018 (Theo BC 248/BC-UBND ngày 07/11/2018)	Thực hiện năm 2018 (số rà soát đến 31/12/2018)
	Tỷ lệ xử lý chất thải y tế đạt chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%	80	80	80
16	Tỷ lệ độ che phủ rừng:				
	+ Có tính cây phân tán	%	51,7	51,7	51,7
	+ Không tính cây phân tán	%	49,8	50,8	50,8
17	Xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng	%	92	92	92
	<i>Trong đó: vững mạnh toàn diện</i>	%	55	55	55
18	Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"	%	85	90	98,4

Như vậy, so với số liệu đã báo cáo tại Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh, có 12/18 chỉ tiêu chủ yếu thay đổi so với số liệu đã ước, cụ thể như sau:

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 10,4%, cao hơn số đã ước 0,8% (số đã ước 9,6%).

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 58 triệu đồng/người, tương đương 2.520 USD/người, cao hơn số đã ước (số đã ước 57,8 triệu đồng/người, tương đương 2.514 USD/người).

(3) Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 52,68% (số đã ước 52,01%); Dịch vụ 29,53% (số đã ước 30,17%); Nông, lâm nghiệp và thủy sản 17,78% (số đã ước 17,82%).

(4) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 42.978 tỷ đồng, cao hơn số đã ước (số đã ước 29.594 tỷ đồng).

(5) Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 20.191,81 tỷ đồng, cao hơn số đã ước (số đã ước 19.825,67 tỷ đồng).

(6) Kim ngạch xuất khẩu đạt 591 triệu USD, cao hơn số đã ước (số đã ước 540 triệu USD).

(7) Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 20,55%, cao hơn số đã ước (số đã ước 20,38%).

(8) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 18 xã (số đã ước là 20 xã).

(9) Số bác sỹ/vạn dân là 7,18 bác sỹ (số đã ước là 6,5 bác sỹ); Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (số đã ước 89%).

(10) Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa: Gia đình văn hóa đạt 88% (số đã ước 85%), Thôn, khối phố văn hóa đạt 88,6% (số đã ước 85%)

(11) Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 1,77%, cao hơn số đã ước (số đã ước 1,59%); trong đó, miền núi giảm 5,53% (số đã ước 5,47%).

(12) Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” đạt 98,4% (số đã ước 90%).

B. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. Lĩnh vực kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 51.613,46 tỷ đồng, tăng 10,4% so với năm 2017, đạt 104,3% so với kế hoạch (**ước GRDP đạt 51.224,84 tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm 2017, đạt 103,5% so với kế hoạch**).

Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 27.270,87 tỷ đồng, tăng 13,8% so với năm 2017 (**ước đạt 26.868,27 tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2017**); khu vực dịch vụ đạt 15.683,78 tỷ đồng, tăng 8,1% (**ước đạt 15.727,31 tỷ đồng, tăng 8,4%**); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 8,658,8 tỷ đồng, tăng 4,9% so với năm 2017 (**ước đạt 8.629,25 tỷ đồng, tăng 4,5% so với năm 2017**).

GRDP không tính sản phẩm lọc hóa dầu đạt 34.143,27 tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm 2017, đạt kế hoạch (kế hoạch tăng 8,5-9%) (**ước đạt 34.157,24 tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm 2017, đạt kế hoạch (kế hoạch tăng 8,5-9%)**)

GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt 58 triệu đồng/người, tương đương 2.520 USD/người (**số đã ước 57,8 triệu đồng/người, tương đương 2.514 USD/người**).

Về cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 52,68% (**số đã ước 52,01%**); Dịch vụ 29,53% (**số đã ước 30,17%**); Nông, lâm nghiệp và thủy sản 17,78% (**số đã ước 17,82%**).

1. Về sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt **116.224** tỷ đồng, tăng 13,4% so với năm 2017¹, vượt 4,2% so với kế hoạch (**ước đạt 114.106,9 tỷ đồng, tăng 11,4% so với năm 2017, vượt 2,4% so với kế hoạch**). Trong đó, công nghiệp lọc hóa dầu đạt 91.851,7 tỷ đồng, tăng 14,5% (**ước đạt 89.735,0 tỷ đồng, tăng 11,8%**); công nghiệp ngoài dầu đạt 24.371,9 tỷ đồng, tăng 9,7% so với năm 2017.

Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất đang khẩn trương đẩy nhanh đầu tư xây dựng: cơ bản hoàn thành nhà máy cán thép, đang triển khai xây dựng khu vực cảng; tuyển dụng và đào tạo cho hơn 3.000 lao động, dự kiến nhà máy cán thép dài (giai đoạn 1) sẽ ra sản phẩm vào quý I/2019.

¹ Năm 2017, NM lọc dầu Dung Quất thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 3 kéo dài 51 ngày; năm 2018, NM lọc dầu hoạt động vượt công suất.

2. Về thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường

- *Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng* đạt 51.012 tỷ đồng, tăng 10,4% so với năm 2017, đạt 100% kế hoạch (***ước đạt 51.018,7 tỷ đồng, tăng 10,4% so với năm 2017, đạt 100% kế hoạch***).

- *Kim ngạch xuất khẩu* đạt 591 triệu USD, tăng 29,1% so với năm 2017, vượt 31,4% kế hoạch (***ước đạt 540 triệu USD, tăng 17,9% so với năm 2017, vượt 20,0% kế hoạch***). Đa số các sản phẩm xuất khẩu đều tăng, một số sản phẩm tăng mạnh như: dầu FO tăng 73,5% (***ước tăng 58,2%***); xơ, sợi dệt các loại tăng 25,2%, giày dép các loại tăng 101,7% (***ước tăng 41,8%***); bên cạnh đó, có một số sản phẩm xuất khẩu giảm mạnh như: thủy sản, hàng thực phẩm chế biến, điện tử các loại và linh kiện. Có thêm 05 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu với kim ngạch 18,5 triệu USD².

- *Kim ngạch nhập khẩu* đạt 1.055 triệu USD, tăng 116% so với năm 2017, vượt 12,2% kế hoạch (***ước đạt 1.120 triệu USD, tăng 129,3% so với năm 2017, vượt 19,1% kế hoạch***), chủ yếu là do nhập khẩu máy móc, phụ tùng và sắt thép phục vụ xây dựng Khu liên hợp gang thép Hòa Phát - Dung Quất.

- *Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt)* tiếp tục tăng trưởng, chất lượng dịch vụ vận tải ngày càng được cải thiện. Doanh thu vận tải và các dịch vụ vận tải đạt 3.931 tỷ đồng, tăng 45,06% so với năm 2017 (***ước đạt 3.951,0 tỷ đồng, tăng 16,3% so với năm 2017***).

- *Tín dụng ngân hàng*: Các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện đúng trần lãi suất do NHNN Việt Nam công bố; nguồn vốn huy động tại chỗ đảm bảo cho các chi nhánh Tổ chức tín dụng cân đối cho vay; nợ xấu trong tầm kiểm soát. Đến 31/12/2018, ***huy động khoảng 46.500 tỷ đồng, tăng 5,6% so với cuối năm 2017; tổng dư nợ cho vay đạt 43.000 tỷ đồng, tăng 10,9%; nợ xấu chiếm 2,9%/tổng dư nợ***.

3. Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 15.389,74 tỷ đồng, tăng 4,9% so với năm 2017 và vượt 1,9% kế hoạch. Trong đó, nông nghiệp đạt 8.447,99 tỷ đồng, tăng 2,0%; lâm nghiệp đạt 1.034,86 tỷ đồng, tăng 12,51%; thủy sản đạt 5.906,89 tỷ đồng, tăng 7,8%. Trong năm, có 10 dự án nông nghiệp do tỉnh quản lý cấp phép với tổng vốn đăng ký gần 324 tỷ đồng, chủ yếu đăng ký tham gia sản xuất rau an toàn, sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao.

- *Về trồng trọt*: Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt đạt 85.193 ha,

²(1) Công ty TNHH Chế biến gỗ Minh Dương Dung Quất xuất khẩu bàn ghế gỗ đi thị trường Hàn Quốc ước đạt 0,5 triệu USD; (2) Công ty TNHH điện tử Sumida Quảng Ngãi xuất khẩu cuộn cảm dùng cho thiết bị điện tử đi thị trường Mỹ, Nhật, Brazil, Hồng Kông, Singapore ước đạt 5 triệu USD; (3) Công ty Cổ phần dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC xuất khẩu cấu kiện thép đi Philippines ước đạt 2,5 triệu USD; (4) Công ty TNHH Millennium Furniture xuất khẩu bọc nệm ghế sofa đi thị trường Mỹ ước đạt 4 triệu USD; (5) Công ty TNHH ShengYang (Vnam) Textile xuất khẩu sợi bông đi thị trường Trung Quốc ước đạt 6,5 triệu USD.

giảm 862,3 ha so với năm 2017 (***wớc đạt 85.126 ha, giảm 928,6 ha so với năm 2017***), trong đó diện tích lúa gieo trồng đạt 74.761 ha, giảm 667,7 ha (***wớc đạt 74.728 ha, giảm 700,2 ha***); sản lượng lúa đạt 440,2 ngàn tấn, tăng 0,7%, đạt 100,9% kế hoạch (***wớc đạt 439,8 ngàn tấn, tăng 0,6%, đạt 100,8% kế hoạch***); năng suất đạt 58,9 tạ/ha, tăng 0,9 tạ/ha. Hầu hết các loại cây trồng khác như rau, đậu, lạc, mì... có năng suất đều vượt so với cùng kỳ năm trước.

Chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác đạt 770,52 ha³. Triển khai 103 cánh đồng lớn⁴ sản xuất lúa và mía, với tổng diện tích 2.009 ha⁵; năng suất lúa bình quân đạt 67,7 tạ/ha, mía đạt 668,9 tạ/ha, cao hơn so với năng suất sản xuất đại trà. Thực hiện dồn điền đổi thửa khoảng 2.147 ha⁶, cao hơn năm 2017 là 386ha.

- *Về chăn nuôi*: Chăn nuôi lợn gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ và giá cả, nhất là trong những tháng đầu năm; chăn nuôi bò phát triển chậm, không ổn định. Đàn trâu bằng 100,1%⁷ (***wớc bằng 99,1%***⁸), đàn bò bằng 100,2% (***wớc bằng 99,9%***), đàn heo bằng cùng kỳ năm 2017 (***wớc bằng 99%***). Dịch bệnh ở gia cầm chỉ xảy ra ở xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh; bệnh lở mồm long móng gia súc xảy ra ở 10/14 huyện, thành phố⁹; các bệnh thông thường khác xảy ra ở một số nơi, được phát hiện và dập tắt kịp thời.

- *Về lâm nghiệp*: Trồng rừng tập trung đạt 21.071,11 ha, tăng 46% so với năm 2017 (***wớc đạt 19.527 ha, tăng 17,7% so với năm 2017***). Sản lượng gỗ khai thác đạt 1.313,196 ngàn m³, tăng 41,7% (***wớc đạt 1.165,16 ngàn m³, tăng 21,2%***). Xảy ra 24 vụ phá rừng, diện tích rừng bị phá hại 7,05 ha, giảm 02 vụ và 15,22ha.

- *Thủy sản*: Sản lượng thủy sản đạt 249 ngàn tấn, tăng 15,6% so với năm 2017 (***wớc đạt 240 ngàn tấn, tăng 11,6% so với năm 2017***), vượt kế hoạch đề ra. Trong đó, thủy sản khai thác đạt 241,47 ngàn tấn, tăng 15,8% (***wớc đạt 234,74 ngàn tấn, tăng 12,6%***); sản lượng nuôi trồng đạt 7,07 ngàn tấn¹⁰, tăng 10,4% so với năm 2017 (***wớc đạt 5,26 ngàn tấn***¹¹, ***giảm 17,4% so với năm 2017***).

Dịch bệnh thủy sản xảy ra cục bộ ở một số địa phương. Tính từ đầu năm

³ Chuyển đổi sang cây ngô 263,4ha, cây lạc 367,3ha, rau các loại 58,2ha, đậu các loại 1ha, mía 15,3ha, mì 3,4ha, cỏ chăn nuôi 20,5ha, cây khác 41,4 ha.

⁴ H. Nghĩa Hành có 23 cánh đồng 338,1ha; H. Đức Phổ có 02 cánh đồng 30ha; H. Mộ Đức 41 cánh đồng 1.195ha; H. Tư Nghĩa có 34 cánh đồng với 369,2ha; H. Ba Tơ có 03 cánh đồng 26,6 ha.

⁵ Trong đó, lúa 1.982,4ha, mía 26,6ha.

⁶ H. Bình Sơn 403ha; H. Sơn Tịnh 211ha; H. Tư Nghĩa 320ha; H. Nghĩa Hành 121ha; H. Mộ Đức 586ha; H. Đức Phổ 508ha.

⁷ Đạt 70.719 con.

⁸ Đạt 71.515 con.

⁹ Bệnh cúm gia cầm A/H5N1 đã xảy ra tại 5 hộ ở 02 thôn của xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh làm chết và tiêu hủy 8.000 con gia cầm. Bệnh Lở mồm long móng gia súc xảy ra tại 405 hộ ở 10 huyện, thành phố trong tỉnh với số gia súc mắc bệnh là 1.156 con (trâu 281 con, bò 854 con, heo 21 con).

¹⁰ Trong đó, tôm nuôi đạt 5,1 ngàn tấn, tăng 10,1%.

¹¹ Trong đó, tôm nuôi đạt 4,8 ngàn tấn, tăng 2,3%.

đến nay, có 36,59 ha tôm nuôi bị bệnh¹²; cá cam, cá bớp nuôi lồng tại huyện Lý Sơn và huyện Đức Phổ chết 61.900 con do môi trường nuôi bị ô nhiễm.

Trong năm, hoàn thành đóng mới 01 tàu vỏ thép theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Lũy kế có 64 tàu cá được đóng mới, còn hoạt động 63 tàu¹³. Đã phê duyệt 08 hồ sơ đăng ký đóng mới tàu theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- *Về Chương trình xây dựng nông thôn mới*: Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định công nhận huyện Nghĩa Hành đạt chuẩn nông thôn mới. Hỗ trợ xây dựng thí điểm 3 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu¹⁴. Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh quản lý bố trí trực tiếp 562,2 tỷ đồng, tăng 59,6% so với năm 2017¹⁵. Đến 31/12/2018, có thêm 18 xã đạt chuẩn nông thôn mới¹⁶, lũy kế đạt 59 xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân đạt 13,7 tiêu chí/xã, tăng 1,62% so với cuối năm 2017.

5. Về thực hiện nhiệm vụ xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị

Tổ chức công bố và bàn giao 04 đồ án quy hoạch cho các huyện, thành phố, đơn vị liên quan quản lý, sử dụng¹⁷. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình phát triển đô thị tại các huyện, thành phố. Xây dựng quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng; ban hành kế hoạch phát triển nhà ở xã hội. Phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra thực tế và hoàn thiện hồ sơ đề án Đề nghị công nhận Khu vực dự kiến thành lập thị xã Đức Phổ đạt tiêu chí đô thị loại IV.

Tiếp tục bố trí vốn để đầu tư phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị như: Đường Nguyễn Công Phương (giai đoạn 2); nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa; cầu Cửa Đại; cầu Thạch Bích; cầu An Phú; đường trục chính phía Tây thị trấn La Hà; tuyến đường Đông thị trấn Mộ Đức; đường D9 trung tâm huyện Sơn Tịnh mới, đường trung tâm huyện Sơn Tây, Trà Bồng, Minh Long...

Trong năm, chấp thuận chủ trương đầu tư 27 dự án khu đô thị, khu dân cư với tổng diện tích quy hoạch 198,44 ha, tổng mức đầu tư gần 2.684 tỷ đồng. Đến nay, đã hình thành nhiều khu dân cư mới khang trang, góp phần phát triển đô thị như: Khu Đô thị - Dịch vụ VSIP, Khu đô thị Ngọc Bảo Viên,

¹²Huyện Bình Sơn 9,34ha, huyện Tư Nghĩa 23ha và huyện Đức Phổ 4,25ha.

¹³ 11 tàu vỏ thép, 01 tàu vỏ composite, 51 tàu gỗ.

¹⁴ Xã Bình Dương, huyện Bình Sơn; xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa và xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành

¹⁵ Trong đó, Ngân sách Trung ương 203 tỷ đồng (đầu tư phát triển 144,2 tỷ đồng), tăng vốn sự nghiệp khoảng 17 tỷ đồng so với năm 2017; vốn ngân sách tỉnh 339,2 tỷ đồng, tăng 173,079 tỷ đồng so với năm 2017; vốn vượt thu 20 tỷ đồng.

¹⁶ Xã Bình Mỹ, Bình Long và Bình Phú (H. Bình Sơn); xã Tịnh Trà và Tịnh Sơn (H. Sơn Tịnh); xã Nghĩa Hiệp, Nghĩa Trung, Nghĩa Mỹ, Nghĩa Thắng và Nghĩa Thọ (H. Tư Nghĩa); xã Đức Hiệp và Đức Phú (H. Mộ Đức); xã Phổ Thuận (H. Đức Phổ); xã Tịnh Kỳ và Nghĩa An (TP. QN); xã Ba Động (H. Ba Tơ); xã Trà Bình (H. Trà Bồng); xã An Hải (H. Lý Sơn).

¹⁷ (1) Quy hoạch 1/2000 huyện Lý Sơn; (2) Quy hoạch chi tiết 1/500 dọc hai bên bờ sông Trà Khúc; (3) Quy hoạch chi tiết khu văn hóa Thiên Mã; (4) Quy hoạch chi tiết công viên trung tâm thành phố Quảng Ngãi.

khu dân cư Bắc Lê Lợi, An Phú Sinh, khu dân cư Nam thị trấn Châu Ổ... Tỷ lệ đô thị hóa đạt 20,55% (**wớc đạt 20,38%**), vượt kế hoạch đề ra (20,37%).

6. Phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp

Từ đầu năm đến nay, đã cấp phép đầu tư cho 62 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 26.786 tỷ đồng; trong đó, có 15 dự án FDI¹⁸ với tổng vốn đăng ký 365,78 triệu USD (**số đã wớc: đã cấp phép đầu tư cho 46 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 10.056 tỷ đồng; trong đó, có 11 dự án FDI với vốn đăng ký 171,77 triệu USD**). Kim ngạch xuất khẩu đạt 370 triệu USD, tăng 15,6%; hàng hóa thông qua cảng đạt 20,9 triệu tấn, tăng 20,1% so với năm 2017 (**số đã wớc: hàng hóa thông qua cảng wớc đạt 17,5 triệu tấn, tăng 0,6% so với năm 2017**); giải quyết việc làm mới cho 5.000 lao động¹⁹.

Tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch phục vụ các dự án lớn như: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất hoàn thành 108,2ha (đạt 97%); khu đô thị công nghiệp Dung Quất - giai đoạn 1A hoàn thành 106 ha (đạt 98%), đủ điều kiện giao đất cho nhà đầu tư 100,4ha; khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất phần bổ sung 39,1ha đã GPMB đạt 98% và nhiều dự án hạ tầng trong các KCN, KKT. Xây dựng phương án bồi thường, di dời Nhà máy mì Tinh Phong ra khỏi quy hoạch KCN VSIP. Đã bố trí 471,579 tỷ đồng để đầu tư 15 dự án xây dựng hạ tầng KKT Dung Quất và các KCN tỉnh (**số đã báo cáo: Đã bố trí 280,527 tỷ đồng để đầu tư 15 dự án xây dựng hạ tầng KKT Dung Quất và các KCN tỉnh**).

7. Thu ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 20.191,81 tỷ đồng, bằng 135,4% dự toán (**wớc đạt 19.825,67 tỷ đồng, đạt 132,9% dự toán**); trong đó: Thu nội địa đạt 16.805,09 tỷ đồng, bằng 120,2% dự toán (**wớc đạt 16.807,966 tỷ đồng, đạt 120,2% dự toán**) (Thu từ DNNN do Trung ương quản lý đạt 11.853,35 tỷ đồng, vượt 18,6% dự toán (**wớc đạt 12.180,58 tỷ đồng, vượt 21,8% dự toán**); thu từ DNNN do địa phương quản lý đạt 62,677 tỷ đồng, bằng 73,7% dự toán (**wớc đạt 67,12 tỷ đồng, bằng 78,9% dự toán**); thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài đạt 340,194 tỷ đồng, bằng 109,7% dự toán (**wớc đạt 320,89 tỷ đồng, bằng 103,5% dự toán**)...); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt

¹⁸ (1) Chi nhánh Kwang Jin Việt Nam tại Dung Quất 1,25 triệu USD; (2) Nhà máy công ty TNHH Wookwang Việt Nam 2,0 triệu USD; (3) Nhà máy Samshin Valve Vina 3,6 triệu USD; (4) Nhà máy công ty TNHH YouBong Vina 2,0 triệu USD; (5) Dự án HanBit P&L Vina 1,0 triệu USD; (6) Nhà máy công ty TNHH công nghiệp điện Nasan Việt Nam 1,6 triệu USD; (7) Nhà máy gia công vật liệu giày dép Kim Thành 0,4 triệu USD; (8) Nhà máy sản xuất trang phục Mensa Dung Quất 13 triệu USD; (9) Nhà máy sản xuất ống nối Nipplex – Dung Quất 7,21 triệu USD; (10) Nhà máy sản xuất gia công cơ khí Vivablest Việt Nam- CN Dung Quất 1,72 triệu USD; (11) Nhà máy sản tròng mắt kính Hoya Lens Việt Nam 2 – Dung Quất 138,0 triệu USD; (12) Nhà máy sản xuất sợi thép và sợi thép bện Bekaert Việt Nam – Dung Quất 125 triệu USD; (13) Nhà máy sản xuất đồ gỗ nội thất Happy Dung Quất 48 triệu USD; (14) Nhà máy gia công và sản xuất nệm Gesin Việt Nam – Dung Quất 10 triệu USD; (15) Nhà máy sản xuất, gia công và lắp ráp bộ dây, cáp điện trong ô tô 12 triệu USD.

¹⁹ Tổng số lao động trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN 38.600 lao động đang làm việc

3.291,14 tỷ đồng, bằng 491,2% dự toán (*wớc đạt 2.999,95 tỷ đồng, đạt 447,7% dự toán*).

8. Về quản lý đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh đạt 42.977,7 tỷ đồng, tăng 99% so với năm 2017, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch: 27.000-29.000 tỷ đồng). Trong đó, vốn nhà nước đạt 5.757 tỷ đồng, bằng 77,5% so với năm 2017; vốn ngoài nhà nước đạt 34.562 tỷ đồng, tăng 165,1%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 2.659 tỷ đồng, tăng 53,4% so với năm 2017 (*số đã báo cáo: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ước đạt 29.594 tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2017, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch: 27.000-29.000 tỷ đồng). Trong đó, vốn nhà nước ước đạt 5.805 tỷ đồng, bằng 78,1% so với năm 2017; vốn ngoài nhà nước ước đạt 21.173 tỷ đồng, tăng 62,4%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 2.616 tỷ đồng, tăng 50,9% so với năm 2017*).

Kế hoạch vốn đầu tư công 2018 được giao 4.222,513 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách địa phương 2.668,378 tỷ đồng²⁰ (chưa bao gồm 155 tỷ đồng bội chi NSDP), vốn ngân sách trung ương²¹ 1.554,135 tỷ đồng. Đến 31/01/2019, giải ngân đạt 3.853,8 tỷ đồng, bằng 91,3% kế hoạch, trong đó: vốn địa phương 2.411 tỷ đồng, bằng 90,4% kế hoạch, vốn trung ương 1.443 tỷ đồng, bằng 92,8% kế hoạch (*số đã báo cáo: Đến 31/10/2018, giải ngân đạt 3.046 tỷ đồng, bằng 72% kế hoạch, trong đó: vốn địa phương 1.997 tỷ đồng, bằng 74% kế hoạch, vốn trung ương 1.049 tỷ đồng, bằng 68% kế hoạch. Từ nay đến cuối năm, tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phấn đấu đến 31/01/2019 giải ngân đạt 100% kế hoạch*).

9. Cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp; hàng tháng tổ chức “cà phê doanh nhân”; hàng quý tổ chức đối thoại doanh nghiệp; xét tôn vinh danh hiệu và tổ chức trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu tỉnh lần VI-2018²²; tăng cường cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, giảm thủ tục. Bồi dưỡng 08 lớp khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp chuyên sâu cho hơn 550 lượt người tham gia; thực hiện chương trình “Khởi nghiệp cùng chuyên gia” phát sóng trên kênh truyền hình PTQ. Tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá kết quả PCI năm 2017 và triển khai bộ tiêu chí đánh giá các sở, ngành, địa phương (DDCI) trong năm 2018.

²⁰ Bao gồm: Vốn cân đối NSDP theo tiêu chí, định mức là 1.998,378 tỷ đồng; vốn Quỹ đất là 600,000 tỷ đồng; vốn Xô số kiến thiết là 70,000 tỷ đồng;

²¹ Bao gồm: Vốn Hỗ trợ các Chương trình mục tiêu là 318,000 tỷ đồng; Vốn Chương trình Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 128,224 tỷ đồng; Vốn Chương trình MTQG là 327,611 tỷ đồng (trong đó: Chương trình MTQG Nông thôn mới là 144,2 tỷ đồng và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững là 183,411 tỷ đồng); Vốn trái phiếu Chính phủ là 550,000 tỷ đồng; Vốn nước ngoài (ODA) là 230,300 tỷ đồng;

²² Nhân ngày doanh nhân Việt Nam 13/10.

Phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư đến tỉnh khảo sát, tìm kiếm cơ hội đầu tư, kinh doanh, trong đó có nhiều nhà đầu tư đến từ các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan... và các tập đoàn lớn trong nước như: FLC, Thái Group,... Tổ chức và tham gia nhiều cuộc xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã cấp phép mới cho 16 dự án, với tổng vốn đăng ký 366,63 triệu USD²³; vốn thực hiện cả năm đạt 109,8 triệu USD, bằng 177% so với cùng kỳ năm 2017; điều chỉnh 08 dự án²⁴; thu hồi 02 dự án²⁵. Trong năm, có 07 dự án FDI đi vào hoạt động, trong đó có 04 dự án trong Khu VSIP²⁶ (**số đã báo cáo: cấp phép mới cho 11 dự án, với tổng vốn đăng ký 171,77 triệu USD; vốn thực hiện cả năm ước đạt 115 triệu USD, bằng 185% so với cùng kỳ năm 2017; điều chỉnh 08 dự án; thu hồi 01 dự án. Trong năm, có 07 dự án FDI đi vào hoạt động, trong đó có 04 dự án trong Khu VSIP**)

Tình hình đầu tư trong nước: Từ đầu năm đến nay, cấp phép đầu tư cho 119 dự án²⁷ (chưa tính 27 dự án bất động sản), tổng vốn đăng ký 22.658 tỷ đồng²⁸, giảm 10 dự án và vốn đăng ký bằng 28,3% so với cùng kỳ năm 2017²⁹; vốn thực hiện đạt 30.000 tỷ đồng³⁰, tăng 500% do Khu liên hợp Thép Hòa Phát triển khai mạnh; điều chỉnh 63 dự án; thu hồi 18 dự án với tổng vốn đăng ký 5.793 tỷ đồng³¹. Trong năm, đã có 14 dự án đi vào hoạt động. (**số đã báo cáo: cấp phép đầu tư cho 99 dự án, tổng vốn đăng ký 10.380 tỷ đồng, giảm 03 dự án và vốn đăng ký bằng 14,6% so với cùng kỳ năm 2017; vốn thực hiện ước đạt 24.974 tỷ đồng, tăng 315,8% do Khu liên hợp Thép Hòa Phát triển khai mạnh; điều chỉnh 45 dự án; thu hồi 17 dự án với tổng vốn đăng ký 5.702 tỷ đồng**).

Công tác quản lý, đăng ký doanh nghiệp: Từ đầu năm đến ngày

²³ Lũy kế, toàn tỉnh có 61 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 1.761,85 triệu USD. Có 31/61 dự án đi vào hoạt động; 27 dự án đang triển khai đầu tư; 03 dự án đang tạm dừng theo yêu cầu của nhà đầu tư.

²⁴ (1) Nhà máy sản xuất thiết bị, linh kiện cơ khí phụ trợ; (2) Nhà máy sản xuất và lắp ráp dây, cáp điện Perennial Dung Quất; (3) Nhà máy sản xuất sợi Xindadong Textiles- Dung Quất; (4) Sản xuất linh phụ kiện điện tử; (5) Nhà máy sản xuất và gia công đồ nội ngoại thất Millennium Dung Quất; (6) Nhà máy gia công, sản xuất sợi thun, vải thun và phụ liệu may mặc Freetex Group Việt Nam; (7) Nhà máy sản xuất vải Zigui Jisheng - Wangsheng Dung Quất; (8) Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam.

²⁵ Nhà máy nhựa đường Việt Nam (69 triệu USD) của Công ty PIELDS ENGINEERING; Yong Ho Villa & Resort (06 triệu USD) của Công ty TNHH Xây dựng Yong Ho Vina.

²⁶ (1) NM sản xuất và gia công đồ nội ngoại thất Millennium Dung Quất, (2) NM gia công, sản xuất sợi thun, vải thun và phụ liệu may mặc Freetex, (3) NM dệt sợi Sheng Yang, (4) NM sản xuất và lắp ráp dây cáp điện Perennial.

²⁷ Lũy kế đến nay, toàn tỉnh 510 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký khoảng 236.491 tỷ đồng; có 267 dự án đi vào hoạt động.

²⁸ Khu kinh tế Dung Quất và các KCN 35 dự án với tổng vốn đăng ký 6152 tỷ đồng; ngoài các Khu có 64 dự án với tổng vốn đăng ký 4.228 tỷ đồng.

²⁹ Do năm 2017 có dự án khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát – Dung Quất đăng ký 60.000 tỷ đồng

³⁰ KKT Dung Quất và các KCN tỉnh 26.000 tỷ đồng; ngoài các Khu 4.000 tỷ đồng.

³¹ KKT Dung Quất và các KCN tỉnh có 13 dự án (596 tỷ đồng); ngoài các Khu có 05 dự án (5.197 tỷ đồng)

31/12/2018, có 786 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới³², với số vốn đăng ký gần 11.000 tỷ đồng, tăng 8,8% về số doanh nghiệp; vốn đăng ký bình quân đạt 14 tỷ đồng/doanh nghiệp; hiện có 5.126 doanh nghiệp đang hoạt động, chiếm 67,2% tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập.

Trong năm, có 201 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động; có 75 doanh nghiệp giải thể tự nguyện; có 234 doanh nghiệp, chi nhánh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, đồng thời thực hiện cảnh báo trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

10. Quản lý tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu

Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cho 14/14 huyện, thành phố. Ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; bổ sung, điều chỉnh bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015 - 2019).

Hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với 20 xã, phường thuộc thành phố Quảng Ngãi với diện tích 13.582,1ha. Quyết định thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất cho 268 hồ sơ với tổng diện tích 1.497,5 ha. Phối hợp, giải quyết 108 vụ việc vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng các dự án.

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản được tăng cường, tình trạng khai thác khoáng sản trái phép giảm mạnh. Đẩy mạnh cấp quyền khai thác khoáng sản thông qua đấu giá; tổ chức đấu giá 04 mỏ cát, sỏi lòng sông. Phê duyệt 34 hồ sơ phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Có 10/14 huyện, thành phố xây dựng phương án bảo vệ tài nguyên sau khai thác.

Tăng cường quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp do UBND xã quản lý, sử dụng; kiểm soát việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư không đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm; giám sát chặt chẽ hoạt động của các nhà máy có xả thải ra môi trường; xử lý 02 kho thuốc bảo vệ thực vật còn tồn lưu³³. Triển khai cắm mốc ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển Quảng Ngãi.

II. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

1. Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được tập trung chỉ đạo, thực hiện.

³² Trong đó, có 14 DN tư nhân, 251 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 446 công ty TNHH MTV, 75 công ty cổ phần. Ngoài ra, còn có 298 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới.

³³ Kho thuốc bảo vệ thực vật Núi Voi, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa và kho thuốc BVTV Hợp tác xã nông nghiệp Phổ Minh, huyện Đức Phổ.

Tiếp tục đổi mới phương pháp, hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ³⁴. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho học sinh. Kịp thời triển khai và tham gia các cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đạt kết quả cao³⁵. Tổ chức thi tuyển học sinh lớp 10 và kỳ thi THPT quốc gia năm 2018 đúng quy chế; tỷ lệ học sinh đỗ kỳ thi tốt nghiệp PTTH quốc gia 2017-2018 đạt hơn 93%.

Thực hiện đổi mới kế hoạch dạy học, điều chỉnh nội dung chương trình dạy học đảm bảo phù hợp với đối tượng học sinh. Tăng cường dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số các trường tiểu học miền núi. Tổ chức thực hiện hiệu quả về tiếp cận “Trường học kết nối”, ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện việc dạy học phân hóa theo năng lực của học sinh trung học. Quản lý chặt chẽ liên kết đào tạo; đào tạo tin học, ngoại ngữ.

Từ đầu năm đến nay, tăng 32 trường đạt chuẩn quốc gia so với cuối năm 2017³⁶; lũy kế có 374 trường đạt chuẩn³⁷. Triển khai thực hiện việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở mầm non, phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương gắn với nâng cao chất lượng giáo dục. Tiếp tục đầu tư xây dựng, sửa chữa, chống xuống cấp các trường, lớp học đáp ứng nhu cầu dạy và học trong năm 2018 - 2019.

2. Công tác y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Chất lượng khám, chữa bệnh và tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ y bác sỹ, nhân viên trong các cơ sở y tế có bước cải thiện. Hoàn thành đưa vào sử dụng các hạng mục công trình nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh; 04 trạm y tế xã³⁸. Đưa Bệnh viện đa khoa Phúc Hưng vào hoạt động. Từ đầu năm đến nay, có 21 xã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, lũy kế có 154/184 (83,15%) xã, phường, thị trấn đạt chuẩn; tăng số giường bệnh/vạn dân lên 27,3 giường (*số đã báo cáo: Từ đầu năm đến nay, có thêm 07 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, lũy kế có 154/184 (83,7%) xã, phường, thị trấn đạt chuẩn*).

Chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh; tăng cường nhân lực, trang thiết bị, thuốc kịp thời ứng phó dịch tay chân miệng trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh thực phẩm³⁹.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình; chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải

³⁴ Có 117/215 trường mầm non được công nhận trường đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; 145/215 trường có nhân viên y tế, các trường còn lại phối hợp với trạm y tế xã nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất và tinh thần, không để xảy ra dịch bệnh truyền nhiễm và ngộ độc thực phẩm....

³⁵ Học sinh giỏi quốc gia đạt 15 giải; thi Sáng tạo Khoa học kỹ thuật: đạt 4 giải, trong đó, dự án “*Nghiên cứu tổng hợp vật liệu composit MoS/gC3N4 làm chất xúc tác quang*” lĩnh vực Hóa học vào Chung cuộc dự thi cấp Quốc tế và các cuộc thi cấp tỉnh³⁵ đạt chất lượng cao.

³⁶ Trong đó: có 19 trường mầm non, 06 trường tiểu học, 06 trường THCS và 01 trường THPT.

³⁷ Trong đó: Mầm non có 81/214 trường đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 38,32%); Tiểu học 153/215 trường (71,16%); THCS 118/167 trường (70,66%); THPT: 21/38 trường (55,26%).

³⁸ Trạm Y tế các xã Hành Dũng, Tịnh Ấn Đông, Tịnh An, Tịnh Thọ.

³⁹ Trong 9 tháng đầu năm 2018, đã kiểm tra 14.648 cơ sở kinh doanh thực phẩm; có 01 vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra tại thành phố Quảng Ngãi với 19 người mắc.

thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và tiêm chủng mở rộng thực hiện đầy đủ, không có tai biến nghiêm trọng do tiêm chủng. Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị y tế trực thuộc theo hướng thu gọn đầu mối, giảm 07 đơn vị.

3. Lao động, việc làm, giảm nghèo, an sinh xã hội và công tác dân tộc

Công tác giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động có nhiều chuyển biến tích cực. Thông qua 26 phiên giao dịch việc làm có hơn 1.200 doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề tham gia tuyển dụng, tuyển sinh giải quyết việc làm trong nước cho 7.833 lao động. Đưa 1.800 người đi lao động nước ngoài, đạt 100% kế hoạch. Ban hành chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm được thực hiện bằng nhiều mô hình mới và hiệu quả, nhất là ký kết đặt hàng đào tạo nghề, cung ứng nhân lực cho Công ty cổ phần Thép Hòa Phát và một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ các doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo cho 816 lao động chính sách ưu đãi của tỉnh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 51%.

Công tác đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội được quan tâm triển khai thực hiện với nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa. Tập trung xét duyệt 2.498 hồ sơ hưởng ưu đãi người có công; cơ bản giải quyết xong hồ sơ người có công tồn đọng. Xây dựng 11 công trình ghi công liệt sĩ; tìm kiếm, cất bốc, quy tập, di chuyển 43 hài cốt liệt sĩ đưa vào mai táng trong Nghĩa trang liệt sĩ.

Đến 31/12/2018, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 9,39%, giảm 1,77%; trong đó, miền núi còn 31,44%, giảm 5,53% so với cuối năm 2017 (*số đã ước đến 31/12/2018, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 9,57%, giảm 1,59%; trong đó, miền núi còn 31,5%, giảm 5,47% so với cuối năm 2017*).

Công tác dân tộc tiếp tục được quan tâm thông qua việc triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ. Triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, dự án nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, xã hội. Hoàn thành 6/6 điểm định canh, định cư tập trung tại các huyện Trà Bồng, Sơn Tây, Ba Tơ, Minh Long và Tây Trà (*số đã báo cáo: Hoàn thành 4/6 điểm định canh, định cư tập trung tại các huyện Trà Bồng, Sơn Tây, Ba Tơ và Minh Long*).

4. Văn hóa, thể thao và du lịch

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi. Tổ chức Lễ đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt di tích lịch sử Địa điểm về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Triển khai xây dựng hồ sơ văn hóa phi vật thể cấp quốc gia cho Nghệ thuật tạo hình cây Nêu của dân tộc Cor; phối hợp với Viện Khoa học Địa chất khoáng sản Việt Nam, các chuyên gia trong và ngoài nước khảo sát, đánh giá, lập hồ sơ và tổ chức Hội nghị thông tin Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn.

Tổ chức Đại hội thể dục thể thao tỉnh và lựa chọn các vận động viên có thành tích cao tập huấn, chuẩn bị tham gia Đại hội thể dục thể thao toàn quốc.

Các đội tuyển của tỉnh tham gia 19 giải thể thao toàn quốc và giành được 102 huy chương⁴⁰.

Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng tại 04 huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Nghĩa Hành và Ba Tư; xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Lượng khách đến tham quan tăng mạnh; đạt khoảng 1 triệu lượt người⁴¹, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2017; doanh thu đạt 950 tỷ đồng, tăng 33%; riêng huyện đảo Lý Sơn đón 230.320 lượt khách, tăng 11,7% (*số đã ước: riêng huyện đảo Lý Sơn, đón 180.075 lượt khách, tăng 7%*).

5. Thông tin, truyền thông và phát thanh, truyền hình

Tập trung tuyên truyền, tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước và các sự kiện quan trọng của tỉnh⁴²; các nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 và thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII,...

Hoạt động bưu chính, chuyển phát được cung cấp ổn định; hoạt động viễn thông được vận hành an toàn, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt⁴³. Đẩy mạnh triển khai việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích⁴⁴. Triển khai Đề án số hóa truyền hình mặt đất theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Triển khai ứng dụng chữ ký số tại 14 huyện, thành phố và 46 xã (đạt 25% tổng số xã). Kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản quản lý điều hành giữa 3 cấp: tỉnh, huyện, xã đạt 100%. Triển khai phần mềm một cửa điện tử dùng chung cho Trung tâm hành chính công tỉnh, tiếp tục triển khai cho các huyện, thành phố. Đưa vào vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh (Datacenter).

6. Khoa học và công nghệ

Tổ chức triển khai và hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung phục vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và hỗ trợ doanh nghiệp xác lập quyền sở hữu trí tuệ, đổi mới thiết bị công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, nâng cao năng suất, sản lượng và sức cạnh tranh.

Triển khai thực hiện 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, 40 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nghiệm thu và chuyển giao kết quả

⁴⁰ Trong đó: 25 HCV, 23 HCB và 54 HCD. Tiêu biểu là vận động viên Huỳnh Duy Thức tham gia đội tuyển Điền kinh trẻ quốc gia, đạt huy chương Bạc nội dung chạy 2.000 m vượt chướng ngại vật tại Giải điền kinh trẻ Đông Nam Á tổ chức tại Thái Lan.

⁴¹ Có 86.000 lượt khách quốc tế, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2017.

⁴² Lễ tưởng niệm 50 năm Ngày 504 thường dân Sơn Mỹ bị thảm sát (16/3/1968 - 16/3/2018); Lễ kỷ niệm 130 năm ngày sinh đồng chí Nguyễn Công Phương (12/9/1888 - 12/9/2018)...

⁴³ VNPT, Viettel, Mobifone tăng cường triển khai cung cấp dịch vụ 4G trên toàn tỉnh. Có 1.350 vị trí trạm BTS, đảm bảo phủ sóng di động ước đạt 99% khu vực dân cư sinh sống.

⁴⁴ Bưu điện tỉnh đã bố trí 48 điểm: Bao gồm 25 bưu cục cấp 1,2,3 và 23 điểm bưu điện văn hóa xã. Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích khoảng 20.000 thủ tục các loại.

11 nhiệm vụ. Thẩm định 19 dự án đầu tư về công nghệ, cấp 08 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chuẩn đoán trong y tế; cấp 03 Chứng chỉ nhân viên bức xạ đủ điều kiện phụ trách an toàn bức xạ tại cơ sở X-quang y tế. Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện hồ sơ đăng ký bảo hộ cho 23 nhãn hiệu thông thường, 08 nhãn hiệu tập thể và 01 hồ sơ gia hạn hiệu lực văn bằng. Thực hiện hỗ trợ 05 doanh nghiệp đổi mới thiết bị công nghệ, hỗ trợ 24 lượt doanh nghiệp áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng, hệ thống quản lý tiên tiến, hệ thống quản lý tích hợp, 06 lượt doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng và hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao, 06 sản phẩm, hàng hóa chứng nhận và công bố hợp chuẩn.

Triển khai dự án xây dựng chỉ dẫn địa lý “Trà Bồng” cho sản phẩm quế của huyện Trà Bồng và Tây Trà; sử dụng tên địa danh để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận⁴⁵.

III. Lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng, an ninh

1. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra ngày càng hiệu quả. Thực hiện 1.850 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 3.587 đơn vị; phát hiện 1.626 đơn vị có sai phạm, với tổng số tiền hơn 36.344 triệu đồng và 466.297,6m² đất cùng nhiều sai phạm khác; thu hồi nộp ngân sách nhà nước hơn 32.000 triệu đồng, thu hồi 465.300,6 m² đất và xử lý khác (*số đã báo cáo: Thực hiện 1.385 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 2.919 đơn vị; phát hiện 1.244 đơn vị có sai phạm, với tổng số tiền hơn 34.490 triệu đồng và 466.297,6m² đất cùng nhiều sai phạm khác; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước gần 30.100 triệu đồng, thu hồi 465.300,6 m² đất và xử lý khác.*)

Đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện 80 kết luận và quyết định xử lý về thanh tra (*số đã báo cáo: Đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện 61 kết luận và quyết định xử lý về thanh tra*); kịp thời điều chỉnh 179/194 trường hợp thanh, kiểm tra doanh nghiệp có dấu hiệu trùng lặp.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày càng đi vào nề nếp. Đã tiếp 6.101 lượt/6.769 người của 5.851 vụ việc; trong đó, có 47 lượt đoàn đông người của 20 vụ việc (*số báo cáo: Đã tiếp 4.549 lượt/5.163 người của 4.473 vụ việc; trong đó, có 37 lượt đoàn đông người của 16 vụ việc*).

Tiếp nhận và xử lý 10.234 đơn thư các loại⁴⁶; đã giải quyết 236/260 vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 90,8% (*số đã báo cáo: Tiếp nhận và xử lý 7.286 đơn thư các loại⁴⁷; đã giải quyết 150/191 vụ khiếu nại,*

⁴⁵ UBND huyện Nghĩa Hành sử dụng tên địa danh Nghĩa Hành để xây dựng nhãn hiệu chứng nhận “Bưởi da xanh Nghĩa Hành”, “Chôm chôm Nghĩa Hành”, “Chuối ngự Nghĩa Hành”, “Sầu riêng Nghĩa Hành”; Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Thọ sử dụng tên địa danh Tịnh Thọ để xây dựng nhãn hiệu tập thể “Khoai lang Tịnh Thọ”; Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Long sử dụng tên địa danh Tịnh Long để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Tịnh Long”; UBND huyện Sơn Hà sử dụng tên địa danh “Sơn Hà” để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Rượu cần Sơn Hà”.

⁴⁶ Trong đó, 1.395 đơn khiếu nại, 336 đơn tố cáo, 8.503 đơn kiến nghị, phản ánh.

⁴⁷ Trong đó, 1.021 đơn khiếu nại, 213 đơn tố cáo, 6.052 đơn kiến nghị, phản ánh.

tổ cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 78,5%).

2. Công tác tư pháp

Tổ chức thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Đã thực hiện thẩm định 98 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh; thực hiện kiểm tra 127 văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh, HĐND và UBND các huyện, thành phố ban hành. Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2018.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể⁴⁸. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 5.024 hòa giải viên; hòa giải thành công 2.337/2.965 vụ việc, đạt tỷ lệ hơn 79% (*Số đã báo cáo: Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 4.622 hòa giải viên; hòa giải thành công hơn 2.000/2.700 vụ việc, đạt 74%*).

Hoạt động hỗ trợ tư pháp, thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tiếp tục được triển khai thực hiện đạt hiệu quả. Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho 5.124 trường hợp, hồ sơ cấp phiếu lý lịch tư pháp đúng hạn đạt 96,8%; thực hiện 1.266 vụ việc trợ giúp pháp lý liên quan đến các lĩnh vực hình sự, dân sự, đất đai và một số lĩnh vực khác (*Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho 3.525 trường hợp, đạt trên 95%; thực hiện 903 vụ việc trợ giúp pháp lý liên quan đến các lĩnh vực hình sự, dân sự, đất đai và một số lĩnh vực khác*).

3. Cải cách hành chính, tổ chức nhà nước

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Tăng cường chỉ đạo việc bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và phương án sắp xếp số lượng cấp phó; rà soát việc tổ chức, hoạt động của các hội đặc thù để có những chủ trương phù hợp; việc xây dựng các Đề án: sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong của các sở, ngành tỉnh, cắt giảm số lượng, sắp xếp lại phòng, chi cục; sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp huyện theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã; sáp nhập các thôn, tổ dân phố.

⁴⁸ Tổ chức 03 lớp tập huấn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và bồi dưỡng kiến thức pháp luật tại 03 huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức và Trà Bồng cho hơn 550 đại biểu là báo cáo viên pháp luật cấp huyện, tuyên truyền viên cấp xã, hòa giải viên ở cơ sở theo Đề án “*Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác PBGDPL đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước*”; tổ chức 05 lớp tập huấn, tuyên truyền pháp luật cho hơn 500 cán bộ, công chức của xã, bí thư, trưởng thôn, trưởng các hội đoàn thể thôn tại các huyện Bình Sơn, Nghĩa Hành, Tây Trà theo Đề án “*Tăng cường công tác PBGDPL tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật*”. Tổ chức 04 hội nghị triển khai 14 văn bản luật...

Trước khi Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương ban hành, tỉnh đã chủ động ban hành Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2017-2025; đến thời điểm đầu năm 2018, đã giảm được 15 đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời, thực hiện Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy, đến nay đã giảm thêm 37 đơn vị sự nghiệp công lập (*lĩnh vực y tế giảm 20 đơn vị, lĩnh vực giáo dục giảm 16 đơn vị, lĩnh vực sự nghiệp khác giảm 01 đơn vị*). Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, giai đoạn 2015-2018, toàn tỉnh đã tinh giản 1.465 người (trong đó năm 2018 là 291 người).

Đến nay, hầu hết các đơn vị sự nghiệp đều được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí theo quy định của Chính phủ. Theo đó, đã chuyển 11 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên sang loại hình đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; chuyển 03 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sang loại hình đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên (*tự chủ 100% chi thường xuyên*); được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục 05 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư để chuyển sang loại hình công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổ chức thành công kỳ thi tuyển công chức năm 2017 (đợt 2)⁴⁹; kỳ thi công chức cấp xã năm 2018; kỳ thi nâng ngạch công chức từ chuyên viên lên chuyên viên chính năm 2018. Thẩm định chính xác kết quả xét tuyển giáo viên⁵⁰. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch và đáp ứng yêu cầu⁵¹. Trong năm 2018, đã thành lập và tổ chức triển khai có hiệu quả Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, bước đầu tạo sự chuyển biến tích cực trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, góp phần tiết kiệm chi phí, giảm thời gian hoạt động công vụ; tăng cường sự gắn kết giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính. Xây dựng quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; Quy chế phối hợp hoạt động với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giải quyết thủ tục hành chính.

4. Công tác ngoại vụ

Thực hiện tốt công tác đối ngoại, tiếp và làm việc với 77 đoàn khách

⁴⁹ Kết quả tuyển dụng được 74 công chức /101 chỉ tiêu tuyển dụng.

⁵⁰ Thành lập đoàn kiểm tra công tác tuyển dụng giáo viên 2017-2018, làm việc với 10 Hội đồng thi tuyển giáo viên các huyện, chấm thẩm định 1647 bài thi, công bố kết quả điểm chấm thẩm định, phê duyệt và tuyển dụng được 1556 giáo viên/1647 chỉ tiêu; đề nghị UBND các huyện kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các sai phạm trong kỳ thi giáo viên, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức vi phạm.

⁵¹ Phối hợp với các cơ sở đào tạo mở 01 lớp bồi dưỡng chương trình chuyên viên chính, 03 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, 05 lớp bồi dưỡng chương trình chuyên viên.

ngoại giao đến thăm, làm việc tại tỉnh. Tổ chức 163 đoàn đi nước ngoài; làm việc và chúc Tết các cơ quan đại diện ngoại giao, hợp tác quốc tế của Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, đồng thời xúc tiến, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ phát triển. Tiếp tục triển khai các hoạt động hợp tác truyền thống với với các địa phương của CHDCND Lào⁵². Xây dựng nội dung hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh Fukuoka, Kagoshima (Nhật Bản).

Xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài đạt 94 tỷ đồng với 61 chương trình, dự án.

Tính từ đầu năm đến nay, không có trường hợp tàu cá và ngư dân tỉnh Quảng Ngãi vi phạm vùng biển nước ngoài; có 01 tàu cá - 37 ngư dân bị Brunei bắt giữ khi đang đánh bắt tại vùng biển chồng lấn; 28 tàu cá - 181 ngư dân bị tàu Trung Quốc ngăn cản, đập phá tài sản, đâm chìm khi đang hoạt động hành nghề tại vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa. Thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền, đưa 39 ngư dân bị bắt giữ về nước an toàn; còn 14 ngư dân đang bị nước ngoài bắt giữ⁵³.

5. Về quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Tổ chức tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn các ngày lễ, kỷ niệm, các sự kiện quan trọng của tỉnh. Tích cực tuyên truyền, giáo dục quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác tuyển quân được triển khai thực hiện tốt, đạt 100% chỉ tiêu được giao.

Mở 08 đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Đã xảy ra 601 vụ vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, tăng 04 vụ so với cùng kỳ năm 2017; đã điều tra làm rõ 82,36% số vụ.

Thực hiện quyết liệt công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Xảy ra 393 vụ tai nạn giao thông đường bộ, chết 141 người và bị thương 447 người, giảm 203 vụ, giảm 02 người chết, giảm 292 người bị thương so với cùng kỳ năm 2017. Xảy ra 10 vụ tai nạn đường sắt, chết 09 người, bị thương 02 người.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra từ đầu năm, với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cố gắng phấn đấu của các ngành, các cấp, toàn quân, toàn dân trong tỉnh và cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2018 đạt nhiều kết quả vượt bậc.

Hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra (**16/18 chỉ tiêu**)⁵⁴. Phần lớn các sản phẩm công nghiệp đều tăng, trong đó, Nhà máy lọc dầu Dung Quất hoạt động vượt công

⁵² Cử 01 cán bộ của tỉnh đi học tiếng Lào tại tỉnh Champasak và hỗ trợ đào tạo học bổng toàn phần cho 05 lưu học sinh của tỉnh Savannakhet.

⁵³ Trong đó: tại Philippines: 05 người, Papua New Guinea: 04 người, Solomon: 03 người, Indonesia: 01 người, Malaysia: 01 người.

⁵⁴ Còn 02 chỉ tiêu chưa đạt: cơ cấu kinh tế và tỷ lệ phát triển bảo hiểm xã hội.

suất (6,85 triệu tấn). Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng cao (10,4%); kim ngạch xuất khẩu vượt 31,4% và kim ngạch nhập khẩu vượt 12,2% kế hoạch; thu ngân sách đạt 135,4% dự toán; tín dụng ngân hàng ổn định, nợ xấu trong tầm kiểm soát. Công tác xúc tiến thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp ngày càng được đổi mới và hiệu quả. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được quan tâm, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công bước đầu có kết quả. Đưa trung tâm hành chính công cấp tỉnh vào hoạt động, giải quyết một lượng lớn thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian phục vụ người dân và doanh nghiệp. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thu hút đầu tư được duy trì, doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng cao; đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp được tăng cường, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển.

Công tác đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội được quan tâm triển khai với nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa; giáo dục và đào tạo tiếp tục được cải thiện chất lượng dạy và học. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo việc làm, văn hóa, thể dục thể thao tiếp tục đạt được những kết quả đáng ghi nhận. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như đã nêu ở trên, trong đó nổi lên một số vấn đề cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để khắc phục, cụ thể: cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng nhưng chưa đạt yêu cầu đề ra; còn lặp lại tình trạng nông sản được mùa mất giá do tác động của yếu tố thời tiết và thị trường tiêu thụ. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án trọng điểm được quan tâm chỉ đạo nhưng hiệu quả đạt chưa cao. Tình trạng khai thác trái phép một số loại khoáng sản như đất, cát, sỏi,... đã được chấn chỉnh nhưng chưa triệt để. Vấn đề vệ sinh môi trường liên quan đến vận chuyển, xử lý rác thải ở một số địa phương chưa được giải quyết dứt điểm. Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai, ô nhiễm môi trường còn diễn biến phức tạp, kéo ở nhiều địa phương.

Trên đây là báo cáo đánh giá bổ sung, cập nhật lại số liệu chính thức về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2018, UBND tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng và các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Thống kê tỉnh;
- VPUB: PCVP, các phòng Ng/c, TCD, CBTH;
- Lưu: VT, THbha141.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng